

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày: 24 – 01 – 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Sỹ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Thành – Cán bộ Hội chữ Thập đỏ thành phố T.

Ông Võ Chí Tình – Bí thư Đoàn Thanh niên phường 3, thành phố T.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Hồng Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 và Thông báo dõr ngày xét xử số 21/TB-TA ngày 30/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn P (tên gọi khác: P1), sinh ngày 05/4/2005; nơi cư trú: số 56A khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn H, sinh năm 1970 và bà S Thị Ngọc Y, sinh năm 1975. Anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đã chết.

2. Kiên K (tên gọi khác: M), sinh ngày 21/10/2003; nơi cư trú: khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: khmer; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiên Đa R, sinh năm 1978 và bà Kim Thị Ngọc M1, sinh năm 1980. Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án: không; tiền sự: 02 lần (Ngày 29/10/2019 bị công an phường 3, thành phố T phạt cảnh cáo về hành vi đánh nhau. Ngày 14/5/2020 bị Công an thành phố T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi cất giấu trong người các loại dao nhằm mục đích gây thương tích

cho người khác). Bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Cao Hoàng P2 (tên gọi khác: P3), sinh ngày 06/9/2002; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Cao Thị Hồng K1, sinh năm 1982. Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án: không; tiền sự: 01 lần (Ngày 29/10/2019 bị công an phường 3, thành phố T phạt 375.000 đồng về hành vi đánh nhau). Bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

4. Nguyễn Lê Hoàng N, sinh ngày 10/10/2002; nơi cư trú: số 06 khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh T1; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

5. Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/11/2003; nơi cư trú: khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải S, sinh năm 1962 và bà Trần Thị B, sinh năm 1974. Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

6. Nguyễn Duy B, sinh ngày 22/9/2004; nơi cư trú: khóm B, phường U, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy P4, sinh năm 1973 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1973. Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

7. Nguyễn Tấn C, sinh ngày 24/5/2004; nơi cư trú: số 33A khóm G, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn H3, sinh năm 1971 và bà Dương Mỹ L1, sinh năm 1977. Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: không; tiền sự: 01 lần (Ngày 14/5/2020 bị công an thành phố T phạt cảnh cáo về hành vi cất giấu trong người các loại dao nhằm mục đích gây thương tích cho người khác). Bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

8. Trần Trọng N1, sinh ngày 10/9/2003; nơi cư trú: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T1, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1980. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

9. Nguyễn Phi H4, sinh ngày 14/3/2004; nơi cư trú: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng L3, sinh năm

1978 và bà Võ Thị Tuyết M2, sinh năm 1978. Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 02/7/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Mai Văn P:* Ông Mai Văn H, sinh năm 1970 (cha bị cáo). (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 56A khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Duy B:* Bà Trần Thị H1, sinh năm 1973 (mẹ bị cáo) (có mặt)

Nơi cư trú: khóm B, phường U, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tấn C:* Ông Nguyễn Tấn H3, sinh năm 1971 (cha bị cáo). (có mặt)

Nơi cư trú: số 33A khóm G, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phi H4:* Bà Võ Thị Tuyết M1, sinh năm 1978 (mẹ bị cáo). (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Giồng Chùa, xã Phương Thạnh, H. Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- *Người bào chữa của bị cáo Mai Văn P:* Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người bào chữa của bị cáo:* Bà Kim Thị Mỹ Hoa, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Hoàng H:* Ông Diệp Minh Trường, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Duy B:* Bà Nguyễn Thị Hồng Tiếng, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Tấn C:* Ông Trần Minh Nhật, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người bào chữa của bị cáo Trần Trọng N1:* Ông Nguyễn Công Hiệu, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Phi H4:* Ông Diệp Minh Trường, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Lê Văn Th, sinh ngày 10/02/2004(có mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Lê Văn Th:* Ông Lê Văn Th1, sinh năm 1977 và bà Bùi Thị Móm, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Triệu V, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 11 Bis khóm 2, phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Võ Văn H4, sinh năm 2001 (có mặt)

Nơi cư trú: số 49/54 khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Kim Thị Ngọc M3, sinh năm 1980 (mẹ bị cáo Kiên K). (có mặt)

Nơi cư trú: khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1967 (mẹ bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N). (có mặt)

Nơi cư trú: số 06 khóm 4, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Nguyễn Hải S, sinh năm 1962 (cha bị cáo Nguyễn Hoàng H). (có mặt)

Nơi cư trú: khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (mẹ bị cáo Trần Trọng N1). (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Chí C1, sinh ngày 01/4/2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Lâm Huỳnh Khắc Th3, sinh ngày 04/11/2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Ti, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Lý Vạn P, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Anh Võ Hoàng D, sinh năm 1997(vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã H, H. C, tỉnh Trà Vinh.

5. Anh Nguyễn Nhân H5, sinh năm 2001(vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm D, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà Tiền Thị Kim C3, sinh năm 1960(vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Anh Đỗ Minh K1, sinh ngày 30/8/2004(vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 16/8/2020, nhóm thanh niên ở Phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Nhóm Lộ Đá) gồm: Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/01/2004, ngụ số 13, khóm G, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Thạch Thanh Tâm, sinh ngày

27/5/2005, ngụ số 356B, khóm G, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Lâm Tuấn Kiệt, sinh ngày 25/6/2002, ngụ khóm G, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nguyễn Phương D, sinh ngày 21/12/2002, ngụ số 13, khóm 9, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nguyễn Phú Q, sinh ngày 08/12/2004, ngụ số 01, khóm A, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Đặng Trường G, sinh ngày 10/8/2004, ngụ số 40, khóm H, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh rủ nhau đến nhà của các bị cáo Mai Văn P, Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C, để đập phá làm hư hỏng tài sản.

Khoảng 22 giờ, ngày 22/8/2020, trong lúc đang cùng nhau uống rượu tại bãi đất trống trong con hẻm trên đường D5 thuộc phường 5, thành phố T, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo Mai Văn P rủ các bị cáo khác gồm: Kiên K, Nguyễn Hoàng H, Cao Hoàng P2, Nguyễn Lê Hoàng N, Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Phi H4, Trần Trọng N1 và hai người bạn Lê Triệu V, sinh ngày 12/5/2003, ngụ khóm 5, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, Minh Tr (không rõ họ tên, địa chỉ) đi đến nhà Nguyễn Thanh S để trả thù thì được mọi người đồng ý và chuẩn bị hung khí để đập phá tài sản và gây thương tích cho S và nhóm bạn chơi chung với S.

Đến khoảng 00 giờ ngày 23/8/2020, bị cáo Nguyễn Duy B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu hồng - bạc, biển số 84L1-570.48 chở bị cáo Mai Văn P ngồi sau cầm theo 01 (một) cây dao dài 40cm do Nguyễn Hoàng H đưa; bị cáo Nguyễn Tấn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen, biển số 84FC-5697 chở bị cáo Kiên K ngồi sau cầm theo 01 (một) cây dao tự chế dài 66 cm, được mua trên mạng; Minh Tr (Không rõ họ tên, địa chỉ) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu đen, không rõ biển số chở bị cáo Cao Hoàng P2 ngồi sau cầm theo 01 (một) cây mũi chĩa dài 2,3m do Nguyễn Lê Hoàng N đưa; Bị cáo Trần Trọng N1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu đỏ-đen, biển số 84H9-9517 chở bị cáo Nguyễn Hoàng H ngồi giữa cầm theo 02 (hai) cục gạch ống nhật được gắn chỗ nhậu và bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N ngồi sau cầm theo 01 (một) cây dao dài khoảng 90 cm, được nhật trước cửa nhà của người dân gần chỗ nhậu; Lê Triệu V kêu Võ Văn H4, sinh ngày 25/5/2001, ngụ số 49/54, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu đỏ, biển số 64D1-550.57 chở Vĩ ngồi giữa cầm theo 01 (một) cây dao dài khoảng 50 cm, lấy trong bụi cây tại bãi đất trống trên đường D5 và bị cáo Nguyễn Phi H4 ngồi sau cầm theo 01 (một) cây dao dài khoảng 30 cm cũng lấy tại bãi đất trống trên đường D5 đến nhà Nguyễn Thanh S để trả thù. Trên đường đi, các bị cáo cùng quan sát xung quanh, trường hợp phát hiện ra người nào trong nhóm của Nguyễn Thanh S (Nhóm “Lộ đá”) thì sẽ chém gây thương tích để trả thù cho bị cáo Mai Văn P. Riêng Võ Văn H4, trước khi đi đã khuyên Lê Triệu V và bị cáo Nguyễn Phi H4 không nên gây thương tích cho người khác thì Lê Triệu V đồng ý, riêng bị cáo Nguyễn Phi H4 không nghe thấy do ngồi phía sau cùng.

Khi đến đường Đồng Khởi thuộc khóm U, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh khoảng 70 (bảy mươi) mét thì bị cáo Nguyễn Hoàng H phát hiện ra Lê Văn Th, sinh ngày 10/02/2004, ngụ ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, đang ngồi

trong quán hủ tiếu do bà Tiền Thị Kim C3, sinh năm 1960, ngụ ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm chủ. Khi nhìn thấy Th, bị cáo Nguyễn Hoàng H liền hỏi lớn cả nhóm: “Phải thằng Th không?” nhằm mục đích thông báo cho cả nhóm biết, thì các bị cáo đều nhận ra người mà bị cáo Nguyễn Hoàng H vừa nói là Lê Văn Th trong nhóm “Lộ đá” nên cả nhóm đều khiển xe quay lại nhằm mục đích chém gây thương tích cho Th để trả thù. Thấy cả nhóm quay lại nên Võ Văn H4 cũng chạy theo xem. Các bị cáo nhanh chóng nhảy xuống xe. Bị cáo Mai Văn P và Kiên K cầm dao đi vào trong quán đến chỗ Th đang ngồi. Th thấy bị cáo Mai Văn P cầm dao đi tới nên hất bàn bỏ chạy làm bị cáo Mai Văn P té ngã; cùng lúc, bị cáo Nguyễn Hoàng H đứng ở phía trước quán cách Th khoảng 08 (tám) mét cầm cục gạch ống bằng tay trái ném mạnh về phía Th làm trúng vào ngực Th, khiến Th bị đau và ôm ngực bỏ chạy về hướng kho vật liệu xây dựng Bảy Chi 2 cùng với nhiều người khách trong quán. Bị cáo Nguyễn Phi H4 sợ Th chạy thoát nên nhanh chóng cầm dao chạy đến trước kho vật liệu xây dựng Bảy Chi 2 chặn Th lại nhưng do không biết mặt Th nên bị cáo Nguyễn Phi H4 liền chặn được khoảng 08 người khách của quán lại chờ các bị cáo đến nhận dạng, rồi cùng nhau chém gây thương tích cho Th. Tuy nhiên, Th chỉ chạy được khoảng 03 (ba) mét thì đã bị bị cáo Kiên K giữ lại, vừa lúc này, bị cáo Mai Văn P liền tiến đến từ phía sau, cách vị trí Th đang đứng khoảng 01 (một) mét, cầm dao bằng tay phải, chém liên tiếp 02 (hai) cái theo chiều từ trên xuống trúng vai trái và tay phải của Th, bị cáo Kiên K đứng phía sau, cách vị trí Th khoảng 01 (một) mét, cầm dao bằng tay phải chém liên tiếp 03 (ba) cái theo chiều từ trên xuống trúng vào đầu, phía sau cổ và tay phải của Th. Bị cáo Mai Văn P tiếp tục cầm dao bằng tay phải chém Th thêm 01 (một) cái từ phía sau theo chiều từ trên xuống trúng vào tay phải của Th, khiến Th té ngã lên yên xe mô tô gần đó, rồi bị cáo Mai Văn P và bị can Kiên K đi ra ngoài. Lúc này, bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N đi đến cách vị trí Th khoảng 01 (một) mét, cầm dao bằng hai tay chém 02 (hai) cái liên tiếp từ phía sau, bằng bề không sắc bén của lưỡi dao theo chiều từ trên xuống, làm mũi dao trúng vào vai phải của Th 01 (một) cái (cái còn lại trúng vào yên xe), khiến Th té ngã xuống đất, trước hàng rào kho vật liệu xây dựng Bảy Chi 2, với tư thế nằm ngửa, hai tay ôm đầu và hai chân co lên. Lúc này, Lê Triệu V đang cầm dao đứng cách vị trí của Th khoảng 03m, nhưng do không mâu thuẫn gì với Th nên Vĩ chỉ đứng xem chứ không gây thương tích cho Th và không có hành động gì bên ngoài cả. Sau đó, bị cáo Cao Hoàng P2 liền tiến đến đứng cạnh vị trí mà Th đang nằm, cầm cây chĩa bằng hai tay, đâm mạnh vào người Th khoảng 05 (năm) cái, theo hướng từ trên xuống, làm trúng cổ tay trái và gối phải của Th. Th ngồi dậy định bỏ chạy thì bị cáo Nguyễn Hoàng H tiến đến, cầm ghế nhựa, màu đỏ, loại nhỏ, không có chỗ dựa có sẵn trong quán, bằng tay phải đánh khoảng 04 (bốn) cái vào đầu Th theo chiều từ phải sang trái nhưng do Th dùng hai tay ôm đầu nên không bị thương tích. Các bị cáo Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C và Trần Trọng N1 ở ngoài xe cảnh giới, trường hợp nêu phát hiện lực lượng công an đến hoặc nhóm của Th đến đông thì các bị cáo này sẽ thông báo để cả nhóm bỏ chạy. Riêng Võ Văn H4 chỉ đứng ở ngoài xem. Sau khi gây thương tích cho Th xong cả nhóm nhanh chóng lên xe tẩu thoát còn Th được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị vết thương.

Khoảng 02 giờ cùng ngày, sau khi hay tin Lê Văn Th bị chém gây thương tích thì Lâm Tuấn Kiệt, Nguyễn Phương D, Thạch Thanh Tâm và Diệp Th Quang, sinh ngày 30/6/2000, ngụ số 103, khóm 6, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh tiếp tục đến nhà của bị cáo Mai Văn P và Nguyễn Tấn C để đập phá tài sản, trả thù cho Th.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 238/CNTT-BVĐKTV ngày 10/9/2020 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh xác định tình trạng thương tích của Lê Văn Th lúc vào viện gồm: Vết thương mặt sau cổ tay trái 5cm, vết thương mặt ngoài cánh tay phải 3cm, vết thương cẳng tay phải 7cm gây không hoàn toàn xương trụ, vết thương khuỷu tay phải 5cm rách bao khớp, vết thương gối phải 6cm, vết thương vai trái 5cm, vai phải 1cm, vết thương vùng sau cổ 9cm, vết thương đỉnh đầu 7cm qua  $\frac{1}{2}$  bản sọ, vết thương cằm 3cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 102/20/TgT ngày 21/9/2020 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Trà Vinh đối với Lê Văn Th kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Văn Th: Tổn thương nhánh thần kinh quay tay phải, sáu sẹo trung bình (Vùng cổ, vai trái, gối phải, khuỷu phải, cẳng tay phải, cánh tay phải), nứt sọ vùng cằm, bốn sẹo nhỏ (Vùng đỉnh, cằm, vai phải, cổ tay trái), mẻ xương trụ tay phải với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 36 % (ba mươi sáu phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương trên người nạn nhân Lê Văn Th là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích là vật cứng có cạnh sắc, hướng từ trên xuống.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 30/BKLDGTS ngày 23/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh kết luận: Móp 01 cánh cửa nhôm đài loan, kích thước 2cm x 0.55m, tình trạng cánh cửa sử dụng bình thường, chi phí sửa chữa 150.000 đồng; Trầy xước 01 cánh cửa sổ bằng gỗ thao lao, kích thước 90cm x 60cm và 01 cánh cửa chính bằng gỗ thao lao, kích thước 2cm x 0.7m, tình trạng cánh cửa sổ và cửa chính sử dụng bình thường, chi phí sửa chữa 150.000 đồng; Móp 01 cánh cửa sắt đài loan, kích thước 2m x 1m (Có 02 vết đường kính dài nhất 2cm), tình trạng cánh cửa sử dụng bình thường, chi phí sửa chữa 150.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 450.000 đồng (Bốn trăm năm chục ngàn đồng).

Đối với Võ Văn H4, Lê Triệu V không có ý định gây thương tích cho bị hại, đồng thời cũng không tham gia hay giúp sức gì, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đặt ra giải quyết. Đối với người thanh niên trên Minh Tr do không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau. Riêng Nguyễn Thanh S, Thạch Thanh Tâm, Lâm Tuấn Kiệt, Nguyễn Phương D, Nguyễn Phú Q, Đặng Trường G và Diệp Th Quang có hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự, nên Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo đối với Tâm, Quý, 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) đối với S, Du, Giang và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với Kiệt và Quang.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 90.645.000 đồng (Chín chục triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn) bao gồm chi phí điều trị vết thương 24.645.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn), tiền ngày công lao động 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) và tiền tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Gia đình các bị cáo đã khắc phục được 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Trong đó: Gia đình bị cáo Mai Văn P, Kiên K, Nguyễn Lê Hoàng N, Nguyễn Duy B, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng; gia đình các bị cáo Nguyễn Tấn C, Nguyễn Hoàng H, Trần Trọng N1 mỗi bị cáo 2.000.000 đồng

Về vật chứng: Hiện đang tạm giữ: 01 (một) cây mũi chĩa dài 2,3m, có cán bằng sắt dài 1,76m, có ba mũi nhọn làm bằng kim loại được hàn vào phần cán, mũi dài nhất 54cm và hai mũi ngắn, mỗi mũi dài 26cm; 01 (một) cây dao dài 40cm, cán bằng gỗ màu nâu xám, dài 15cm, lưỡi dao làm bằng kim loại, màu đen, một bên sắc bén, mũi bằng, dài 25cm; 01 (một) cây dao tự chế, dài 66 cm, cán dao bằng gỗ dài 16 cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu trắng, dài 50 cm, lưỡi dao sắc một bên, mũi dao nhọn.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKS-HS ngày 30/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố Mai Văn P, Kiên K, Cao Hoàng P2, Nguyễn Lê Hoàng N, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C, Trần Trọng N1 và Nguyễn Phi H4 về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố Kiên K, Cao Hoàng P2, Nguyễn Lê Hoàng N, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C, Trần Trọng N1 và Nguyễn Phi H4 phạm tội “Cố ý gây thương tích” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo Mai Văn P.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kiên K từ 05 năm đến 06 năm tù.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Hoàng P2 từ 05 năm đến 06 năm tù.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1,2 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H và Trần Trọng N1 từ 04 năm đến 05 năm tù.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17; Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H4 từ 04 năm đến 05 năm tù.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1,2 điều 51; điều 54; điều 91; điều 101; điều 17; Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N và Nguyễn Tấn C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.



Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1,2 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17; Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đồng thời buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại em Lê Văn Th số tiền 44.645.000 đồng và xử lý tang vật chứng cũng như nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo đều thống nhất với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Nhưng các vị cho rằng:

Bị cáo Kiên K khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn và trong thời gian tạm giam bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái. Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục thiệt hại cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hoàng H và bị cáo Nguyễn Phi H4: các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã nghỉ học sớm, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Duy B không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, bị cáo chỉ tham gia với trò giúp sức. Bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã thật thà khai báo và đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Tấn C chỉ là người cảnh giới không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công cách mạng và bị cáo cũng đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Trọng N1: bị cáo không phải là người chủ mưu cầm đầu, bị cáo không chuẩn bị hung khí để gây thương tích cho bị hại, bị cáo cũng xác định không gây thương tích cho người khác. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không phát biểu tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận: Do có mâu thuẫn từ trước với nhóm “lộ đá” ở phường 6, thành phố T, nên trong lúc uống rượu bị cáo Mai Văn P rủ các bị cáo đi đến nhà của Nguyễn Thanh S để trả thù thì được tất cả đồng ý và đi chuẩn bị hung khí. Đến khoảng 00 giờ ngày 23/8/2021 tất cả cầm theo hung khí và điều khiển xe mô tô đến đường Đồng Khởi thuộc khóm 8, phường 6, thành phố T, thì bị cáo Nguyễn Hoàng H phát hiện em Lê Văn Th (trong nhóm “Lộ đá”) với Nguyễn Thanh S đang ngồi ăn hủ tiếu trên vỉa hè nên thông báo cho đồng bọn biết. Tất cả liền dừng xe cầm hung khí đi đến nơi Th đang ngồi, bị cáo Nguyễn Hoàng H cầm cục gạch ống ném trúng vào ngực của Th; Bị cáo Mai Văn P cầm dao chém 03 nhát trúng vào vai trái và tay phải của Th; bị cáo Kiên K cầm dao chém 03 nhát trúng vào đầu, vùng sau cổ và tay phải của Th; bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N cầm dao chém 01 nhát (chém bằng bề tà của dao) trúng vào vai phải của Th; bị cáo Cao Hoàng P2 cầm cây chĩa đâm 05 nhát trúng vào cổ tay trái, gối phải của Th; bị cáo Nguyễn Hoàng H tiếp tục cầm ghế nhựa đánh nhiều cái vào vùng đầu của Th dẫn đến gây thương tích cho Th với tỷ lệ thương tật chung là 36%. Riêng bị cáo Nguyễn Phi H4 cầm dao đứng chặn trước kho vật liệu Bảy Chi không cho Th bỏ chạy. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Duy B, bị cáo Nguyễn Tấn C và bị cáo Trần Trọng N1 đứng bên ngoài cảnh giới cho đồng bọn gây thương tích cho Th.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Mai Văn P, Kiên K, Cao Hoàng P2, Nguyễn Lê Hoàng N, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C, Trần Trọng N1 và Nguyễn Phi H4 đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bị cáo Mai Văn P đã chết do bị bệnh Tồn thương đa cơ quan do đông máu nội mạch đa tạng dẫn đến tử vong.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 282 của Bộ luật tố tụng hình sự Đình chỉ xét xử đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo Kiên K, Cao Hoàng P2, Nguyễn Lê Hoàng N, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C, Trần Trọng N1 và Nguyễn Phi H4 về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của bị hại. Trong vụ án này mặc dù giữa các bị cáo và bị hại Lê Văn Th (nhóm “Lộ đá”) có mâu thuẫn, nhưng các bị cáo đã dùng dao, cây chĩa, gạch ống đâm và chém gây thương tích cho Th với tỷ lệ thương tật là 36%.

Hiện nay tình trạng thanh thiếu niên khi xảy ra mâu thuẫn, mặc dù không lớn nhưng vẫn ôm hận trong lòng để rắp tâm trả thù dẫn đến đánh nhau xảy ra ở nhiều nơi, làm cho tình hình trật tự hết sức phức tạp.

Các bị cáo ý thức rất rõ việc dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, chứng tỏ các bị cáo rất xem thường pháp luật.

Trong vụ án này Mai Văn P là người chủ mưu khởi xướng và trực tiếp thực hiện; bị cáo Kiên K, bị cáo Cao Hoàng P2 là người giúp sức tích cực và trực tiếp thực hiện gây thương tích cho bị hại; bị cáo Nguyễn Hoàng H, bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N, bị cáo Nguyễn Phi H4 cũng là người giúp sức và thực hiện nhưng ở góc độ thấp hơn; bị cáo Nguyễn Duy B, bị cáo Nguyễn Tấn C, bị cáo Trần Trọng N1 là người cảnh giới cho đồng bọn thực hiện tội phạm. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi phạm tội các bị cáo đều chưa có tiền án, đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải và khi phạm tội các bị cáo đều dưới 18 tuổi nhận thức pháp luật còn hạn chế. Các bị cáo Kiên K, Nguyễn Lê Hoàng N, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Trọng Nghĩa đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; gia đình bị cáo Nguyễn Duy B và Nguyễn Tấn C có công với nước. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại em Lê Văn Th và người đại diện cho bị hại bà Bùi Thị Móm và ông Lê Văn Th1 yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 90.645.000 đồng gồm tiền điều trị, tiền mất thu nhập và tổn thất tinh thần. Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo đồng ý theo yêu cầu của bị hại liên đới bồi thường số tiền 90.645.000 đồng. Tuy nhiên, gia đình các bị cáo đã khắc phục được 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Do đó, các bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại em Lê Văn Th 44.645.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Triệu V và anh Võ Văn H4 không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Xét lời bào chữa của các vị trợ giúp viên pháp lý đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện cho bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người bị hại, người đại diện cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Kiên K, bị cáo Cao Hoàng P2, bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N, bị cáo Nguyễn Hoàng H, bị cáo Nguyễn Duy B, bị cáo Nguyễn Tấn C, bị cáo Trần Trọng N1 và bị cáo Nguyễn Phi H4 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Kiên K 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2021.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Hoàng P2 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2021.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17; điều 54; điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Hoàng N 02 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành 01 năm 06 tháng tù của bản án số: 48/2021/HS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 03 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành 02 năm 06 tháng tù của bản án số: 38/2021/HS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2021.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1,2 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17; điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn C 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm b,s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17; điều 54; điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trọng N1 03 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành 02 năm tù của bản án số: 38/2021/HS-ST ngày 16/9/2021 và 01 năm tù của bản án số: 48/2021/HS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2021.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 điều 134; điểm s khoản 1 điều 51; điều 91; điều 101; điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H4 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2021.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 586; Điều 587; Điều 590; Điều 288 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại em Lê Văn Th 44.645.000 đồng. Trong đó: Bị cáo Kiên K 80.625 đồng, bị cáo Cao Hoàng P2 10.080.625 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng H 8.080.625 đồng, bị cáo Nguyễn Tấn C 8.080.625 đồng, bị cáo Trần Trọng N1 8.080.625 đồng, bị cáo Nguyễn Phi H4 10.080.625 đồng (số tiền của bị cáo Kiên K do mẹ là bà Kim Thị Ngọc M3 bồi thường; số tiền của bị cáo Nguyễn Tấn C do cha là ông Nguyễn Tấn Hùng bồi thường; số tiền của bị cáo Nguyễn Phi H4 do mẹ là bà Võ Thị Tuyết Mai bồi thường). Riêng trách nhiệm dân sự đối với Mai Văn P gia đình đã khắc phục xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Triệu V và anh Võ Văn H4 không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Kiên K nộp 300.000 đồng, bị cáo Cao Hoàng P2 nộp 504.031 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng H nộp 404.031 đồng, bị cáo Nguyễn Tấn C nộp 404.031 đồng, bị cáo Trần Trọng N1 nộp 404.031 đồng, bị cáo Nguyễn Phi H4 nộp 504.031 đồng án phí dân sự sơ thẩm. (Số tiền án phí của bị cáo Kiên K do mẹ là bà Kim Thị Ngọc M3 nộp; bị cáo Nguyễn Duy B do mẹ là bà Trần Thị H6 nộp; bị cáo Nguyễn Tấn C do cha là ông Nguyễn Tấn Hùng nộp; bị cáo Nguyễn Phi H4 do mẹ là bà Võ Thị Tuyết Mai nộp).

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho bị cáo, người đại diện cho bị cáo; người bào chữa; người bị hại, người đại diện cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người đại diện cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TPT;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.T;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thanh Sỹ**